TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HSPT
Ngày: 28/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến

Bà Quách Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Lý D có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị: **Lê Thị L,** sinh năm 1980; tên gọi khác: Không; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T1; có chồng là Quản Đức L1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Tạ Thị Khánh C – Luật sư – Công ty L3 – Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: D N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đoàn Văn T2, sinh năm 1988 (vắng mặt). Cháu Đoàn Trung H, sinh năm 2015 (vắng mặt). Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người dại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Văn T2 và đại diện hợp pháp của cháu H: Ông Đoàn Văn Q sinh năm 1953. Địa chỉ; thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu H: Bà Nguyễn Thị Ư – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh H. Có mặt.

Người làm chứng: Cháu Quản Đức L2, cháu Nguyễn Ngọc B. Người đại diện hợp pháp của cháu L2 và cháu B: ông Lê Văn T. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 6 năm 2024 Lê Thị L mua 01 xe máy điện nhãn hiệu JVC, số loại XMEN, gắn biển kiểm soát 34MĐ4- 015.64 với giá 07 triệu đồng (xe không có giấy đăng ký). Sau khi mua xe máy điện, L giao xe cho con trai là Quản Đức L2, sinh ngày 02/4/2009 quản lý, sử dụng để thường xuyên điều khiển đi học. Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 14/8/2024, L2 (15 tuổi 04 tháng 12 ngày) điều khiển xe máy điện gắn biển kiểm soát 34 MĐ4- 015.64 chở em Nguyễn Ngọc B, sinh năm 2009. L2 điều khiển xe máy điện đi trên đường liên xã theo hướng tỉnh lộ 396 đi thôn V, xã V với tốc độ khoảng 30 km/h. Khi đi qua cổng làng Tuy Lai khoảng 15m, L2 điều khiển xe chếch chéo sang bên trái để quay đầu xe thì bị xe mô tô biển kiểm soát 34P3- 3857 do anh Đoàn Văn T2, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã V, huyện N điều khiển cùng chiều chở con trai là Đoàn Trung H, sinh năm 2015. Sau va chạm, anh T2, cháu H bị thương phải đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh H. Hai phương tiện bị hư hỏng nhẹ.

Tại kết luận giám định số 406/ KLTTCT ngày 01/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H đối với Đoàn Trung H kết luận: Chấn thương sọ não gây tụ máu ngoài, dưới màng cứng, vỡ xương đỉnh phải, đã mổ sọ não diện mở xương sọ 8x7 cm, lấy máu tụ ngoài màng cứng. Hiện ổn định, để lại sẹo mổ vùng thái dương đỉnh chẩm phải kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của cháu Đoàn Trung H tại thời điểm giám định là 37%.

Tại kết luận giám định số 424/ KLTTCT ngày 08/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H đối với Đoàn Văn T2: Chấn thương sọ mặt gây tụ máu ngoài màng cứng, vỡ xương thái dương phải, xương đá phải, cung tiếp gò má phải, gẫy xương chính mũi, được phẫu thuật lấy máu tụ. Hiện di chứng liệt hoàn toàn ½ người trái, rối loạn cơ tròn, để lại 02 sẹo mổ, mở khí quản vùng đầu, cổ kích thước trung bình và nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Đoàn Văn T2 tại thời điểm giám định là 90%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Đoàn Văn T2 và Đoàn Trung H là 127%.

Tại kết luận định giá tài sản số 25/ KLĐG ngày 23/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát 34P3- 3857 tại thời điểm ngày 14/8/2024 là 1.500.000 đồng; Thiệt hại của xe máy điện, gắn biển kiểm soát 34MĐ4- 015.64 tại thời điểm ngày 14/8/2024 là 600.000 đồng.

Sau khi gây tai nạn, Lê Thị L đã bồi thường gia đình anh T2 là 39.000.000 đồng. Gia đình anh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 149.000.000 đồng bao gồm: Tiền bồi thường tổn thất tinh thần, công chăm sóc, nuôi dưỡng, chi phí điều trị. Đại diện gia đình anh T2 có đơn xin miễn trách nhiệm hình phạt cho bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật hình sự, điểm b, s, i khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt bị cáo Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù, về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ". Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/3/2025 bị cáo Lê Thị L kháng cáo đề nghị cho hưởng án treo và phần bồi thường. Ngày 04/04/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương kháng nghị bản án sơ thẩm về phần hình phạt, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa Phúc thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xác định cấp sơ thẩm xét xử về tội danh là đúng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là công nhân, một mình đang phải nuôi con nhỏ và có bố mẹ già. Trong khi chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường thêm cho gia đình anh T2 số tiền 20.000.000đ số tiền còn lại 90.000.000đ bị cáo đã thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả gia đình anh T2 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền trên. Vậy, đề nghị HĐXX cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS, cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo. Về phần bồi thường thiệt hại, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho gia đình 20.000.000đ, số tiền còn lại 90.000.000đ gia đình nhất trí mỗi tháng bị cáo trả 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Hải Dương, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và gia đình anh T2 về việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo trong trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm cùng những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2024, Lê Thị L mặc dù biết rõ con trai là Quản Đức L2 chưa đủ 16 tuổi nhưng đã giao xe máy điện màu đen, nhãn hiệu JVC, số loại XMEN, biển kiểm soát 34MĐ4- 015.64 cho L2 điều khiển để đi học. Đến khoảng 20 giờ 20 phút ngày 14/8/2024, tại đường liên xã thuộc thôn V, xã V, huyện N, L2 điều khiển xe máy điện biển kiểm soát 34MĐ4 - 015.64, chở em Nguyễn Ngọc B va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 34P3- 3857 do anh Đoàn Văn T2 điều khiển, chở con là Đoàn Trung H. Hậu quả tỷ lệ thương tích của anh T2 là 90%, cháu H là 37%. Tổng tỷ lệ thương tích của 02 người là 127%. Bị cáo biết con là Quản Đức L2 không có giấy phép lái xe nhưng bị cáo vẫn giao xe máy điện cho Quản Đức L2 khi chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 04 tháng 12 ngày) điều khiển xe làm bị thương cơ thể cho 02 người là 127%. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 264 BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ. Bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét về tội danh.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả đối với gia đình anh T2. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho gia đình anh T2 số tiền 20.000.000đ. Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là công nhân, một mình đang phải nuôi con nhỏ và bố mẹ già. Do vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh T2, cháu H số tiền 20.000.000đ, số tiền còn lại 90.000.000đ bị cáo và đại diện gia đình anh T2 thỏa thuận mỗi tháng bị cáo trả 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận của bị cáo và các đương sự là tự nguyện, do vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[3] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357, 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 11/2025/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt và phần dân sự.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật hình sự, điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L 06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ". Thời gian thử thách là **12** (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị L cho UBND xã xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lê Thị L và ông Đoàn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Văn T2, người đại diện hợp pháp của cháu Đoàn Trung H. Bị cáo Lê Thị L phải bồi thường cho anh Đoàn Văn T2, Đoàn Trung H số tiền là 149.000.000đ, đã bồi thường được 59.000.000đ, số tiền còn lại mỗi tháng bị cáo Lê Thị L bồi thường cho gia đình anh Đoàn Văn T2, Đoàn Trung H là 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền 90.000.000đ.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị L không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
-Cơ quan THA hình sự - CA tỉnh Hải Dương;
-Công an xã Văn Hội, huyện Ninh Giang;
- TAND huyện Ninh Giang (3 bản);
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân